TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 5 - 2020
V/v *tranh chấp Hôn nhân và gia đình*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- ***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hồ Đức Quang

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Phương Nga

Bà Nguyễn Thị Nhuần.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Huyền Trang - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hiền- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2020, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 73/2019/TLST - HNGĐ, ngày 23/12/2019. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST - HNGĐ, ngày 24/2/2020 và Thông báo về việc mở lại phiên toà số: 04/2020/TB-TA ngày 28/4/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1986 *(Có mặt)*

Địa chỉ: Thôn Tân Đông, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh

- Bị đơn: Anh Đoàn Văn T, sinh năm 1982 *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Thôn Tân Đông, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh

(Anh Đoàn Văn T hiện đang lao động tại Australia)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ vụ án, chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Đoàn Văn T kết hôn vào ngày 30/10/2008 có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Hôn nhân giữa hai người là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung với nhau. Năm 2016 anh T đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài tại Australia, thời gian đầu anh chị thường xuyên liên lạc cho nhau, anh T có gửi tiền về nuôi con nhưng được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn không

thể hàn gắn được và đến nay đã cắt đứt liên lạc hoàn toàn. Nguyên nhân do không chia sẻ tình cảm với nhau, quan điểm sống giữa hai người khác nhau. Nay chị N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị N làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Về quan hệ con chung: Quá trình sống chung, vợ chồng có 03 con chung là cháu Đoàn Thị Mai L, sinh ngày 05/9/2010; Đoàn Văn D, sinh ngày 14/7/2014; Đoàn Thị Ngọc T sinh ngày 19/7/2016. Hiện cả ba cháu đang sống cùng với chị N tại xã K, huyện K. Nguyện vọng của chị N là được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả ba cháu và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự, phân tích nội dung vụ án, đã đề nghị Hội đồng xét xử. Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình; đoạn 2 điểm b tiểu mục 2.1, mục 2 phần II Nghị quyết 01/2003/NQ- HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán TANDTC: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N. Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Đoàn Văn T. Về con chung: giao 03 cháu Đoàn Thị Mai L, sinh ngày 05/9/2010; Đoàn Văn D, sinh ngày 14/7/2014; Đoàn Thị Ngọc T, sinh ngày 19/7/2016 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Anh Đoàn Văn T hiện đang lao động tại Australia, không có địa chỉ cụ thể. Tại Công văn số 286/A08-P5, ngày 07/01/20120 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an, xác nhận thông tin: Anh Đoàn Văn T, sinh ngày 08/3/1982 khai địa chỉ ở xóm 9, K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh đã xuất nhập cảnh 09 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 26/02/2016, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Toà án đã tiến hành xác minh qua người thân của anh T là ông Đoàn Văn T (*là bố đẻ anh T*). Tại Biên bản lấy lời khai ngày 19/02/2020 , ông T cho biết: Anh Đoàn Văn T hiện nay đang lao động tại Australia có liên lạc với gia đình qua điện thoại, biết việc chị N làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn, anh T thông tin cho gia đình biết rằng chị N yêu cầu ly hôn là quyền của chị N, vấn đề tình cảm và con chung để chị N tự quyết định, về tài sản chung và nợ chung thì không đề cập đến. Tuy nhiên, anh T không nói địa chỉ cụ thể của anh tại Australia nên ông T cũng không thể cung cấp được địa chỉ của anh T cho

Tòa án. Ngoài ra, các văn bản tố tụng của Tòa án thông qua gia đình ông thì ông đều thông tin đầy đủ cho anh T biết.

Căn cứ đoạn 2 điểm b tiểu mục 2.1, mục 2 phần II Nghị quyết 01/2003/NQ- HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán TANDTC và Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Toà án nhân dân Tối cao hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đoàn Văn T theo quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Đoàn Văn T kết hôn vào ngày 30/10/2008 có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định về điều kiện kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì anh T đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài sau đó thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, không tìm thấy tiếng nói chung, quan điểm sống không hòa hợp, vợ chồng ít chia sẻ và không còn quan tâm đến nhau. Hiện nay anh T đi lao động ở Australia và vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Theo chị Nhinh thì mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, không còn yêu thương nhau, chị Nhinh yêu cầu ly hôn.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau…nhưng hôn nhân giữa chị N và anh T không đạt được mục đích đó, mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng không thương yêu, quan tâm, giúp đỡ nhau. Theo quy định tại Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 thì *"Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn"*. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị N, xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Đoàn Văn T để mỗi người tự xây dựng cuộc sống mới tốt đẹp hơn.

[2.2] Quan hệ con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Đoàn Thị Mai L, sinh ngày 05/9/2010 ; Đoàn Văn D, sinh ngày 14/7/2014 ; Đoàn Thị Ngọc T, sinh ngày 19/7/2016. Hiện cả 03 cháu đang sống cùng với chị N và chị N cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 03 cháu, cháu Đoàn Thị Mai L có đơn trình bày nguyện vọng muốn được ở với mẹ, đồng thời anh T không có ý kiến nhờ ai chăm sóc các cháu. Xét thấy hiện nay anh T làm ăn ở xa, không có điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu và các cháu cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu giao 03 cháu cho chị Nhinh trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con, anh T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Khi nào anh T có yêu cầu về việc thay đổi người nuôi con thì Toá án sẽ xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[2.4] Về án phí: Chấp nhận ý kiến của chị Nguyễn Thị N về việc chị Nhinh chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình; các Điều 28, 37, 227, 273, 479 Bộ luật tố tụng dân sự, đoạn 2 điểm b tiểu mục 2.1, mục 2 phần II Nghị quyết 01/2003/NQ- HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán TANDTC và Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Toà án nhân dân Tối cao; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Đoàn Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Đoàn Thị Mai L, sinh ngày 05/9/2010; Đoàn Văn D, sinh ngày 14/7/2014; Đoàn Thị Ngọc T sinh ngày 19/7/2016 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Đoàn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con, anh T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001766 ngày 23/12/2019 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã Kỳ Giang;
- Đương sự;
- Lưu HS, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hồ Đức Quang